

Bản án số: 141/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-6-2022  
Về việc tranh chấp ly hôn và  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đỗ Bình An

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Văn Minh;  
bà Lê Thị Xuân Đào.

***Thư ký phiên tòa:*** bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Huệ H, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp 3B, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(bà H có mặt, ông D vắng mặt – đã triệu tập hợp lệ)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2022 và những lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Thị Huệ H trình bày tại phiên tòa như sau:*

Bà và ông Nguyễn Quang D chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 18/8/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên bà và ông D đã ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và

cũng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Quang D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà H xác định có 01 con chung tên Nguyễn Quang Đăng K, sinh ngày 13/3/2011. Khi ly hôn bà H xin được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản của cháu Nguyễn Quang Đăng K là con chung của bà H và ông D thì cháu K có nguyện vọng sống với bà H khi bà H và ông D ly hôn với nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo cho ông D biết về yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông D không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông D cũng không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huệ H nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Quang D có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Huệ H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Quang D nên bà H được xác định là nguyên đơn, ông D là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt: ông Nguyễn Quang D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[1.4]. Về chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà Nguyễn Thị Huệ H có cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 180/2010 ngày 18/8/2010 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên hôn nhân giữa bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tình trạng hôn nhân: xét hôn nhân giữa bà H và ông D trên cơ sở tự nguyện, bà H xác định cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc nhưng từ năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà và ông D đã ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay nên bà H xin được ly hôn với ông D. Đối với ông D, ông không có ý kiến phản hồi về việc bà H xin ly hôn với ông, tại thời điểm bà H xin ly hôn với ông D thì giữa bà H và ông D không đưa ra được hướng đoàn tụ, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông D.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà H xác định có 01 con chung là Nguyễn Quang Đăng K, sinh ngày 13/3/2011. Thấy rằng con chung là cháu K có nguyện vọng sống với bà H khi bà H và ông D ly hôn với nhau. Mặt khác, từ khi bà H và ông D ly thân nhau cho đến nay thì cháu K do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu K. Đối với ông D thì ông không có ý kiến phản hồi về việc bà H xin được nuôi chung là cháu K. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là Nguyễn Quang Đăng K cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thay đổi nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Huệ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huệ H về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” đối với ông Nguyễn Quang D.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Huệ H được ly hôn với ông Nguyễn Quang D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Huệ H được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Quang Đăng K, sinh ngày 13/3/2011 (bà H đang nuôi dưỡng). Ông Nguyễn Quang D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không có yêu cầu.

Ông D được quyền tới lui thăm non và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể xin thay đổi tình trạng nuôi con và khoản cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H xác định không có.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Huệ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009671 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành. Bà H không phải nộp tiếp.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Đỗ Bình An**